



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS** và **Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 38/2023

(12/09/2023 – 18/09/2023)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, kể từ tuần thứ hai của tháng 9 thì chỉ số thuê tàu BDI tăng mạnh ở tất cả các phân khúc và hiện tại đang ở mức 1.439 điểm (cao nhất trong vòng 4 tháng trở lại đây). Cụ thể, chỉ số BDI đã tăng thêm 230 điểm so với tuần trước và hơn 353 điểm so với đầu tháng 9. Theo số liệu từng phân khúc riêng lẻ, chỉ số thuê tàu Panamax (BPI) đóng cửa ở mức 1.656 điểm – cao nhất kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2023, trong khi chỉ số thuê tàu Supramax (BSI) đóng cửa ở mức 1.221 điểm (cao nhất kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2023) và Handysize (BHSI) đóng cửa ở mức 634 điểm (cao nhất kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2023). Cước thuê tàu tăng mạnh mẽ cũng kéo theo nhu cầu mua tàu tăng cao. Giá bán tàu đang có xu hướng tăng nhẹ khoảng 5% so với tháng trước và khả năng sẽ tiếp tục tăng nếu cước thuê tàu vẫn duy trì mức cao trong thời gian tới. Ở phân khúc 5 vạn Supramax, tàu **Wave Runner** (56.676 dwt, đóng 2008 Nhật, máy chính Wartsila, DD/SS 04/2025) được chốt với giá khoảng 13,3 triệu đô la Mỹ. Hiện đối với những tàu tương tự, chủ tàu đã tăng giá bán và đang đàm phán xung quanh mức 14 triệu đô la Mỹ. Ở phân khúc Handysize, tàu **Global Effort** (37.072 dwt, đóng 2014 Nhật, DD/SS 10/2024) được chốt bán cho người Mua Hy Lạp với giá khoảng 18 triệu đô la Mỹ. Mức này tăng nhẹ nếu so sánh với tàu **Nord Savannah** (37.067 dwt, đóng 2013 Nhật, hầm hàng hộp, DD 05/2026, SS 05/2028) bán khoảng 16,8 triệu đô la Mỹ cách đây 2 tuần. Một tàu Handysize nhỏ hơn là **IVS Merlion** (32.071 dwt, đóng 2013 Trung Quốc, hầm hàng hộp, chơ gỗ được, DD 02/2026, SS 04/2028) được chủ tàu Singapore Grindroid Shipping chốt bán cho người Mua Hy Lạp với giá khoảng 11,6 triệu đô la Mỹ. Tháng 6/2023, tàu **IVS Orchard** (32.535 dwt, đóng 2011 Trung Quốc, hầm hàng hộp, chơ gỗ được, DD/SS 7/2025) được cùng chủ tàu bán với giá khoảng 10,8 triệu đô la Mỹ. Được biết, chủ tàu Singapore này trước nay có tiếng bảo quản tàu khá tốt. Giá bán tàu **IVS Merlion** sẽ là mốc tham chiếu mới cho cỡ tàu 32k dwt trẻ đóng Trung Quốc. Các tàu được đề cập bên trên đều đã lắp hệ thống xử lý nước dằn.

Ngược lại, cước thuê tàu nhìn chung vẫn đang đậm chân tại chỗ ở mảng tàu dầu/hóa chất. Ngày càng nhiều tàu được người Bán tung ra thị trường để thăm dò song người Mua lại không mấy nhiệt tình do xu hướng thị trường chưa thật sự rõ ràng và khả quan. Tổng quan thì giá tàu đã bắt đầu giảm nhiều hơn so với trước đây. Ở phân khúc Aframax, tàu **Wonder Vega** (106.062 dwt, đóng 2005 Hàn Quốc, DD/SS 01/2025) được chủ tàu Hy Lạp chốt bán với giá khoảng 31,5 triệu đô la Mỹ. Mức này là không cao đối với tàu già đã lắp hệ thống xử lý nước dằn và máy lọc khí. Ở phân khúc MR, tuần qua tàu chemical **High Jupiter** (51.603 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 10/2023) được chốt bán tuy nhiên mức giá chưa được tiết lộ. Hiện tại, giá tàu này có thể có xu hướng giảm nhẹ so với tàu **Cassopeia II** (50.696 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 10/2023) bán khoảng 23 triệu đô la Mỹ tháng trước. Ở phân khúc 37k dwt đóng Hàn Quốc, tàu chemical **Baltic Freedom** (37.048 dwt, đóng 2006, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD 10/2024, SS 09/2026) được bán với giá khoảng 18,2 triệu đô la Mỹ.

Mới tuần trước, tàu tương tự **Advantage Party** (37.067 dwt, đóng 2006, DD 05/2024, SS 01/2026) được bán với giá khoảng 17 triệu đô la Mỹ.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGOES						
Gracious Eternity	2009	Japan	180,199	21.80	Chinese	BWTS fitted, DD/SS 01/2024
Double Pride	2012	Japan	95,707	22.00	Indian	DD 08/2025, SS 08/2027
Geneva Star	2015	Tsuneishi Cebu, Philippines	81,846	26.70	Undisclosed	BWTS fitted, DD due 11/2023, SS 11/2025
Da Ying	2003	Japan	75,318	7.50	Chinese	DD 11/2025, SS 02/2028
Glory Harvest	2014	China	63,339	21.00	Undisclosed	Incl TC attached at 14,5k/pd for 11-14 months, DD/SS 12/2024
Golden Hawk	2015	Japan	58,068	21.20	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 02/2025
Wave Runner	2008	Japan	56,676	13.30	Turkish	BWTS fitted, M/E Wartsila, DD/SS 04/2025
Jin Feng	2004	Japan	52,686	8.00	Chinese	DD/SS 12/2024
Global Effort	2014	Japan	37,072	18.00	Greek	OHBS, BWTS fitted, DD/SS 10/2024
Takechio	2012	Japan	38,494	Undisclosed	Greek	OHBS, DD 07/2024, SS 08/2026
Union Groove	2012	Korea	35,064	14.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD 06/2025, SS 01/2027
IVS Merlion	2013	China	32,071	11.60	Greek	BWTS fitted, log-fitted, DD 02/2026, SS 04/2028, Singaporean owners
TANKERS						
Fulmar	2009	Korea	115,605	39.50	Middle Eastern	BWTS & scrubber fitted, DD 05/2025, SS 03/2024
Centennial Sapporo	2008	Japan	110,448	35.50	Turkish, Beks	BWTS fitted, DD/SS 12/2023
Navig8 Precision	2018	China	109,994	Undisclosed	Navig8	BBHP, BWTS & scrubber fitted, DD/SS due 09/2023
Wonder Vega	2005	Korea	106,062	31.50	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, DD/SS 01/2025
Spottail	2008	Japan	74,997	24.70	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 12/2023
High Jupiter	2008	Korea	51,603	Undisclosed	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II, epoxy coated, DD/SS due 10/2023
Nikos M	2020	Korea	49,999	Undisclosed	Union Maritime	Old sale 07/2023, BWTS & scrubber fitted, chemical IMO II, epoxy coated, DD/SS 03/2025
Sunny Apatite	2016	China	49,999	34.00	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy coated, DD 03/2024, SS 04/2026

Baltic Freedom	2006	Korea	37,048	18.20	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, ice class 1A, DD 10/2024, SS 09/2026
MH Langoey	2006	Japan	19,969	15.50	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II, stainless steel, DD 08/2024, SS 10/2026
Strinda	2006	Japan	19,959	15.50		BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD 06/2024, SS 08/2026
Patnos	2006	China	16,714	10.50	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, ice class 1A, DD 09/2024, SS 11/2026, German owners
Sedat Basak	2022	Turkey	6,038	Undisclosed	Danish	BWTS fitted, chemical IMO II, siloxirane coated, DD 09/2025, SS 09/2027
CONTAINER						
Blue Ocean	2008	China	7,665	7.20	Philippines	618 teu, ice class II, CR 2X35T, DD/SS passed 05-06/2023, next DD 05/2026, SS 04/2028, Israeli owners
OTHERS						
Saltram	2015	Korea	54,627	73.50	Naftomar Shipping	LPG 82441 cbm, bss dely Q1/2024, BWTS fitted, DD/SS 07/2025

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
		09/2023	1M	3M	6M	

CAPESIZE

180k dwt	Resale	62.00	2%	-2%	0%	5%	52.75
180k dwt	5 tuổi	47.50	0%	-7%	-9%	-3%	37.25
170k dwt	10 tuổi	29.50	0%	-9%	-8%	-6%	26.25
150k dwt	15 tuổi	20.00	8%	-2%	-5%	-1%	16.50

PANAMAX

82k dwt	Resale	38.00	0%	-4%	-2%	-3%	33.75
82k dwt	5 tuổi	32.50	3%	-2%	2%	0%	26.50
76k dwt	10 tuổi	22.00	0%	-8%	-8%	-8%	18.00
74k dwt	15 tuổi	14.50	2%	-9%	-6%	-12%	12.00

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	36.00	0%	-5%	-4%	-5%	31.25
58k dwt	5 tuổi	28.50	-2%	-7%	-5%	-5%	21.75
56k dwt	10 tuổi	19.25	4%	-7%	-4%	-13%	15.75
52k dwt	15 tuổi	13.50	4%	-11%	-13%	-21%	11.00

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	32.00	0%	-2%	5%	0%	25.75
37k dwt	5 tuổi	24.00	-2%	-9%	-8%	-13%	19.25
32k dwt	10 tuổi	16.00	-6%	-15%	-9%	-16%	12.75
28k dwt	15 tuổi	10.00	-9%	-18%	-13%	-17%	8.00

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		09/2023	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
			1M	3M	6M	12M	

VLCC

310k dwt	Resale	126.00	0%	0%	0%	10%	98.00
310k dwt	5 tuổi	98.50	-1%	-2%	-2%	13%	73.50
250k dwt	10 tuổi	74.50	0%	-3%	-3%	19%	50.50
250k dwt	15 tuổi	56.50	-3%	-7%	-7%	27%	35.25

SUEZMAX

160k dwt	Resale	91.00	1%	1%	6%	12%	67.50
150k dwt	5 tuổi	73.50	1%	-1%	7%	21%	50.50
150k dwt	10 tuổi	58.50	0%	2%	9%	33%	35.25
150k dwt	15 tuổi	37.50	0%	1%	10%	29%	21.50

AFRAMAX

110k dwt	Resale	79.50	0%	0%	5%	12%	55.00
110k dwt	5 tuổi	64.00	0%	0%	2%	15%	40.75
105k dwt	10 tuổi	51.50	0%	-2%	2%	27%	28.25
105k dwt	15 tuổi	34.50	0%	0%	5%	28%	17.50

MR

52k dwt	Resale	51.00	0%	0%	5%	7%	39.50
52k dwt	5 tuổi	40.50	0%	-5%	-4%	0%	30.00
45k dwt	10 tuổi	31.50	0%	-9%	-3%	7%	20.50
45k dwt	15 tuổi	24.00	4%	-2%	12%	23%	13.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	09/ 2023	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	65.0	0.00%	0.00%	4.00%	-0.76%
Panamax (77.000 dwt)	42.0	0.00%	0.00%	13.51%	5.00%
Supramax (61.000 dwt)	38.0	0.00%	0.00%	8.57%	1.33%
Handysize (37.000 dwt)	33.0	3.03%	3.03%	11.48%	-1.45%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	09/ 2023	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	127.0	0.00%	0.00%	4.96%	5.83%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	6.17%	4.88%
A.max (115.000 dwt)	68.5	0.00%	0.00%	7.03%	5.38%
MR (56.000 dwt)	47.5	0.00%	0.00%	4.40%	7.95%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Cước trung bình hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 13.426 đô la Mỹ, tăng 1.556 đô la Mỹ so với mức 11.870 đô la Mỹ tuần trước. Nhìn chung, thị trường vẫn đang rất tốt ở khu vực Đại Tây Dương và Châu Á. Một tuần có rất nhiều tín hiệu tích cực ở Đại Tây Dương, nổi bật nhất là Địa Trung Hải, có tin tàu **Densa Tiger** (55.089 dwt, đóng 2010) neo ở Tarragona được Aston đàm phán đi qua Kavkaz và trả tàu nguyên trạng ở Chittagong với giá khoảng 24.000 đô la Mỹ. Tàu **CS Sonoma** (58.810 dwt, đóng 2010) neo ở Đông Địa Trung Hải, có tin tàu này được chốt chuyên fronthaul tuy nhiên chưa có thêm thông tin chi tiết. Phía Vịnh Hoa Kỳ, tàu **Josco Jinchou** (58.685 dwt, đóng 2012) neo ở Đèo Tây Nam được Centurion chốt qua Bờ Đông Hoa Kỳ đến Trung Quốc với giá khoảng 20.000 đô la Mỹ. Nhu cầu chở hàng tăng mạnh ở Nam Đại Tây Dương, tàu **Top Fortune** (61.447 dwt, đóng 2017) neo ở Paranagua được chốt đi từ Recalada đến Chittagong với giá khoảng 16.500 đô la Mỹ cộng thêm 650.000 đô la Mỹ chi phí ballast. Phía Ấn Độ Dương, Pacific Basin chốt tàu **Unity Life** (63.482 dwt, đóng 2017) đi ngay từ Bhavnagar đến Trung Quốc với giá khoảng 16.500 đô la Mỹ, tàu **Sarika Naree** (63.023 dwt, đóng 2015) được chở gỗ đi ngay từ Chittagong qua New Zealand và trở lại Bờ Tây Ấn Độ với giá khoảng 14.000 đô la Mỹ, tàu **Tristar Prosperity** (56.824 dwt, đóng 2012) được Oldendorff chốt chở đá vôi từ Navlakhi qua Vịnh Ả Rập đến Bờ Tây Ấn Độ với giá khoảng 14.000 đô la Mỹ. Phía Viễn Đông, tàu **Qian Dao Hu** (63.398 dwt, đóng 2017) được chốt đi từ Koh Sichang qua Indonesia đến Trung Quốc với giá khoảng 14.000 đô la Mỹ, cùng lúc tàu **Mana** (63.408 dwt, đóng 2017) được chốt đi từ Weda qua Indonesia đến Nam Trung Quốc với giá khoảng 15.100 đô la Mỹ. Có thêm tin tàu **PMS Enzian** (61.612 dwt, đóng 2015) được chốt đi từ Obi đến Bắc Thái Bình Dương và trở lại khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ.

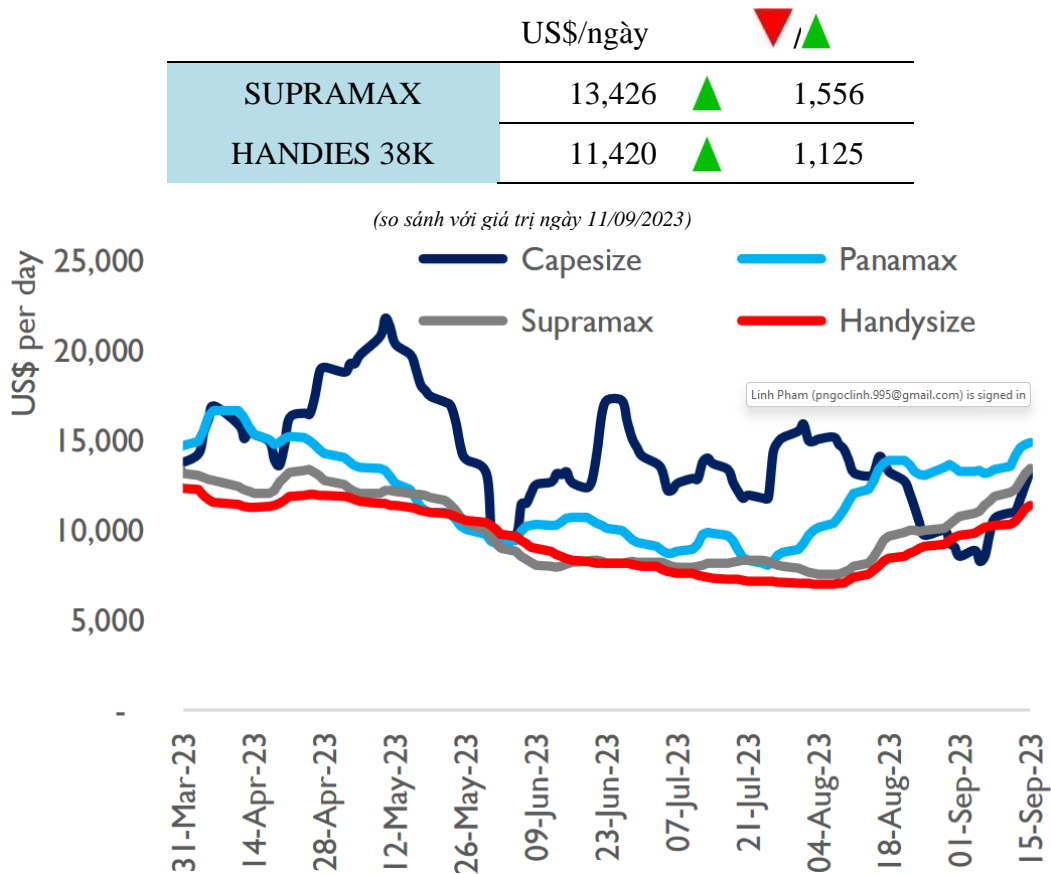
Thị trường phân khúc **Handies** tuần qua vẫn đang đi lên, cước tăng ở khắp các khu vực. Cụ thể cước trung bình trong tuần qua đóng cửa ở mức 11.420 đô la Mỹ, tăng 1.125 đô la Mỹ so với mức 10.268 đô la Mỹ của tuần trước. Ở Continent, nhu cầu chở hàng mới tăng và không đủ tàu giao ngay đã mang lại niềm vui cho các chủ tàu, đáng chú ý nhất tàu **Western Moscow** (39.491 dwt, đóng 2019) được Lauritzen chốt chở phế liệu từ Antwerp đến Đông Địa Trung Hải với giá khoảng 19.000 đô la Mỹ. Có tin một tàu khoảng 34.000 dwt được chốt chở phế liệu đi chuyên tương tự với giá khoảng 20.000-20.300 đô la Mỹ nhưng chưa có thông tin chi tiết. Tàu **TBC Praise** (36.699 dwt, đóng 2012) neo ở Bilbao, có tin tàu này được chốt đi từ Continent và trả tàu ở Bờ Đông Nam Mỹ, chở phân bón với giá khoảng 13.000 đô la Mỹ. Phía Địa Trung Hải, có tin tàu **Giorgios B** (35.291 dwt, đóng 2010) được Swire chốt với giá khoảng 15.500 đô la Mỹ cho chuyến đi từ Kalamata qua Thổ Nhĩ Kỳ đến Durban và trả tàu ở Santos. Xa hơn về phía Nam Đại Tây Dương, tàu **Team Bravo** (34.642 dwt, đóng 2012) neo ở Abidjan được Oldendorff chốt qua Upriver và trả tàu nguyên trạng ở Philippines với giá khoảng 16.400-16.600 đô la Mỹ. Tàu **Chicago Harmony** (38.485 dwt, đóng 2015) neo ở Puerto Cabello được Lauritzen chốt qua Bắc Brazil và trở lại Vịnh Hoa Kỳ với giá khoảng 16.500 đô la Mỹ. Phía Châu Á không có nhiều hoạt động vận tải và cước vẫn ổn định. Thị trường vẫn có nhiều sự lạc quan bởi nhu cầu vận tải đang tăng. Phía Đông Úc, tàu **TSL Rosemary** (33.191 dwt, đóng 2012) neo ở Brisbane được chốt chở hàng rời đến Kwinana với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ cộng thêm 100.000 đô la Mỹ chi phí ballast. Các mặt hàng rời khác và hàng sạch từ Úc đang được định giá khoảng 11.000-12.000 đô la Mỹ cho các

chuyển đi đến Trung Quốc vào cuối tháng 9. Một tàu khoảng 28.000 dwt được chốt đi từ Indonesia và trả tàu ở CJK, Trung Quốc với giá khoảng 10.000 đô la Mỹ. Ở mảng thuê định hạn, tàu **Grampus Dignity** (32.877 dwt, đóng 2012) neo ở Davao được thuê khoảng 6-8 tháng với giá khoảng 10.000-10.300 đô la Mỹ/ngày.

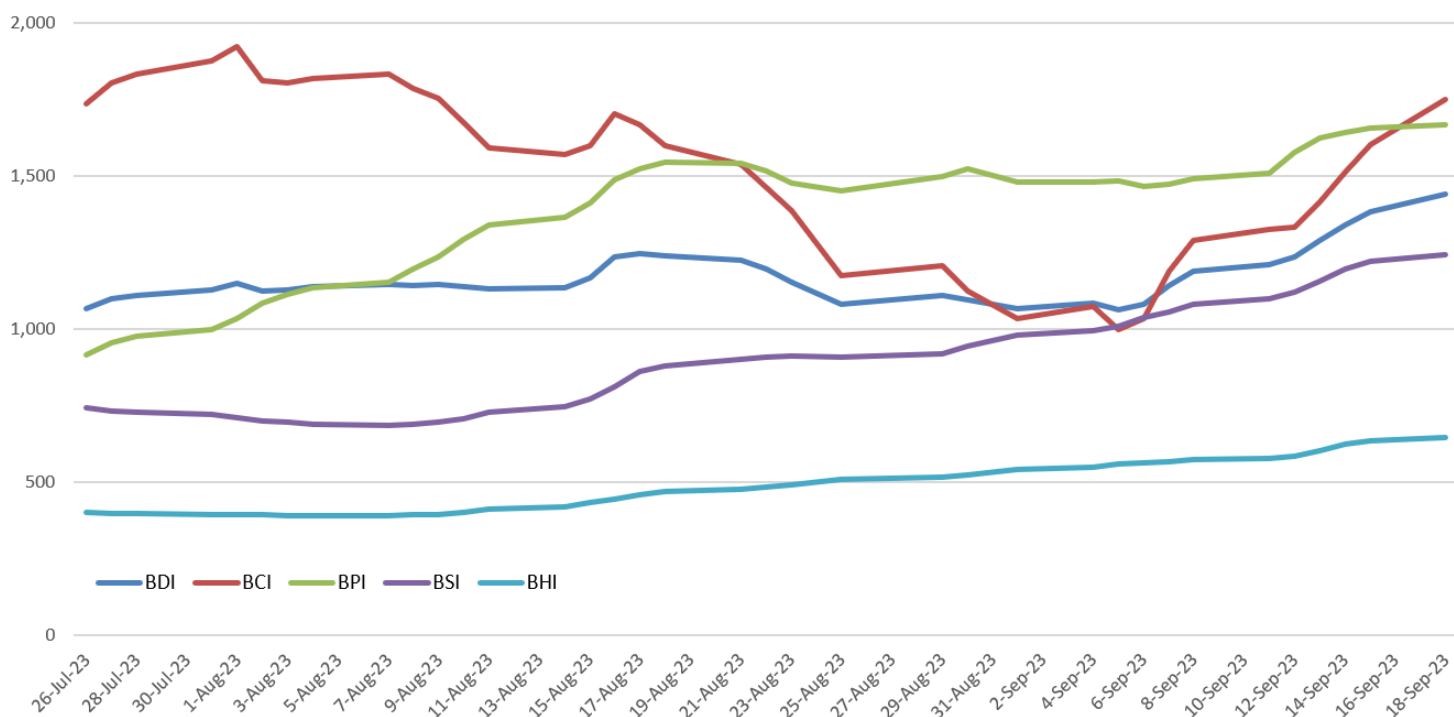
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 38/2023 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 38/2023	TUẦN 37/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 38)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 38)
TRANSATLANTIC RV	14,690	13,390	4,830	15,900
TCT CONT/F.EAST	25,473	23,109	14,764	26,465
TCT F.EAST/CONT	7,013	6,532	2,501	9,260
TCT F.EAST RV	14,250	12,818	6,525	14,904
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	17,139	15,406	6,630	17,139
PACIFIC RV	10,464	9,206	5,056	13,531
TCT CONT/F.EAST	23,333	20,221	9,933	23,333

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 18/09/2023



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 92,25 đô la Mỹ/thùng, trong khi giá dầu Brent dừng lại ở mức 94,43 đô la Mỹ/thùng. Theo báo cáo, giá dầu Brent và WTI đã tăng 3 tuần liên tiếp, chạm mức cao nhất kể từ tháng 11/2022.

Ả Rập Xê-út và Nga đã gây sốc thị trường khi gia hạn mức cắt giảm nguồn cung tự nguyện tổng cộng 1,3 triệu thùng/ngày cho đến cuối năm nay. Quyết định này của hai nhà xuất khẩu dầu hàng đầu thế giới đã khiến thị trường dầu liên tục tăng trong thời gian qua và chưa có dấu hiệu chững lại. Trong khi đó, theo báo cáo của Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) sản lượng dầu của Mỹ từ các khu vực khai thác đá phiến hàng đầu dự kiến giảm tháng thứ 3 liên tiếp trong tháng 10 xuống mức thấp nhất kể từ tháng 5/2023.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Nhìn chung, các hoạt động giao dịch của phân khúc tàu VLCC tiếp tục theo xu hướng trầm lắng trong tuần vừa qua. Nguồn cung hàng giảm mạnh khiến cho cước trên hầu hết tất cả các tuyến đều trượt dốc. Theo ghi nhận, cước TCE của tàu được trang bị hệ thống lọc khí thải cũng đều giảm xuống dưới mức 10.000 đô la Mỹ/ngày. Quyết định cắt giảm sản lượng từ khu vực Trung Đông đã gây ra tác động mạnh mẽ lên cước tàu tại khu vực phía đông Suez.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/ Trung Quốc	4.850	4.090	↓
	Trung Đông/USG	-13.450	-14.500	↓

<p>Phân khúc tàu Suezmax</p>	<p>Phân khúc tàu Suezmax không có quá nhiều biến động được ghi nhận trong tuần vừa qua. Theo báo cáo, cước trên tuyến Nigeria/Rotterdam vẫn đang tiếp tục ổn định quanh mức WS 73. Các giao dịch từ khu vực USG đi Đại Tây Dương đang ở mức khá trầm lắng, cước đang dao động quanh mức WS 27.5.</p> <table border="1" data-bbox="491 253 1489 506"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tây Phi / Cont</td> <td>16.150</td> <td>18.035</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>Biển Đen/ Địa Trung Hải</td> <td>7.950</td> <td>6.950</td> <td>↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	16.150	18.035	↑	Biển Đen/ Địa Trung Hải	7.950	6.950	↓				
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Tây Phi / Cont	16.150	18.035	↑														
Biển Đen/ Địa Trung Hải	7.950	6.950	↓														
<p>Phân khúc tàu Aframax</p>	<p>Theo ghi nhận, sự trầm lắng kéo dài tại khu vực phía đông Suez đã khiến nhiều chủ tàu quyết định chạy sang khu vực Đại Tây Dương và điều này đã giảm bớt áp lực cho các chủ tàu hoạt động tại khu vực phía Đông. Bên cạnh đó, thị trường Địa Trung Hải và Biển Đen cũng đang đi xuống với cước trên tuyến Ceyand đi Lavera đã giảm thêm 5 điểm và hiện đang quanh mức WS 85. Tại khu vực Biển Bắc, xu hướng thị trường khá ổn định vào thời điểm đầu tuần, sau đó giảm nhanh từ giữa tuần với cước ghi nhận quanh mức WS 95.</p> <table border="1" data-bbox="491 824 1489 1137"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Singapore</td> <td>9.850</td> <td>12.050</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>Caribs/USG</td> <td>7.400</td> <td>3.250</td> <td>↓</td> </tr> <tr> <td>Châu Á/Úc</td> <td>14.980</td> <td>27.580</td> <td>↑</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Singapore	9.850	12.050	↑	Caribs/USG	7.400	3.250	↓	Châu Á/Úc	14.980	27.580	↑
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Trung Đông/ Singapore	9.850	12.050	↑														
Caribs/USG	7.400	3.250	↓														
Châu Á/Úc	14.980	27.580	↑														

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR**: Các tàu MR hoạt động tại khu vực Bắc Á đã có một khởi đầu khá thuận lợi với nguồn cung hàng hóa đi vào thị trường. Tuy nhiên, xu hướng tăng có phần dịu đi do người thuê mở rộng lựa chọn sang phân khúc tàu LR. Tại khu vực Đông Nam Á, nhu cầu ổn định từ người thuê khiến cho nguồn cung tàu sẵn có giảm xuống, đồng thời cước cũng được ký kết ở mức ổn định. Cùng chung xu hướng, các giao dịch tàu MR tại khu vực UKC cũng đang diễn ra khá thuận lợi. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Cont/USAC đang ở mức WS 180 – tương đương với 16.700 đô la Mỹ/ngày. Trái lại, nguồn cung tàu tăng mạnh khiến cho khu vực USG đang gặp khó khăn và cước đang ghi nhận ở mức WS 90. Tuy nhiên, theo ghi nhận, nhiều chủ tàu đang có ý định chạy ballast sang khu vực Châu Âu. Do đó, theo một số dự báo rằng áp lực sẽ đảo chiều trong một vài tuần tới.

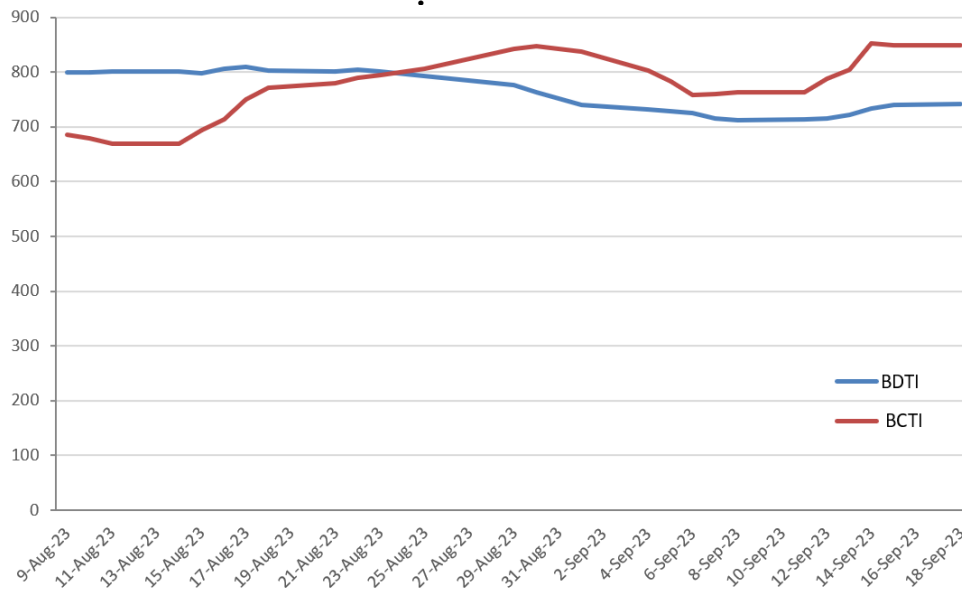
Đối với phân khúc **tàu dầu/hóa chất nhỏ**: Các giao dịch đi hướng phía Bắc tiếp tục có xu hướng dịu đi trong tuần này do nhu cầu nhập khẩu BTX và Glycols của Trung Quốc giảm. Tuy nhiên, các hợp đồng COA vẫn đang ở mức ổn định. Theo ghi nhận, Petronas đã ký kết 15.00 tấn BTX+Glycols từ Kerteh/Kuantan đi Trung Quốc với mức 35 đô la Mỹ/tấn. Hiện tại, Hengyi vẫn đang tìm kiếm tàu cho đơn hàng 10.000 tấn PX từ Muara đi trung Trung Quốc với mức cước 27-28 đô la Mỹ/tấn. Hàng hóa từ Bắc Á vẫn khá ổn định, người thuê cố gắng tìm tàu cho các đơn hàng bị chậm trễ do ảnh hưởng của bão. Đối với hàng dầu cò, việc nhập khẩu từ Ấn Độ đang có xu hướng dịu liên quan đến việc tồn kho dẫn đến việc kẹt cầu tại cảng dỡ, đặc biệt ở Deendayal. Theo ghi nhận, cước trung bình đi bờ Đông và Tây Ấn Độ đang lần lượt được ký kết ở mức 35-36 đô la Mỹ/tấn và 45-46 đô la Mỹ/tấn (Cước có thể cao hoặc thấp hơn một vài đô tùy thuộc vào cảng xếp và dỡ). Tại khu vực Trung Đông, thị trường vẫn được duy trì ổn định với nguồn hàng từ Jubail đi Đông Nam Á

và chở ethanol từ Karachi đi Địa Trung Hải. Với nguồn cung tàu tại khu vực khá nhiều, người thuê có nhiều cơ hội đàm phán tới mức cước mà họ mong muốn.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 38			Giá thuê tàu định hạn tuần 37		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	44,500	43,000	38,000	43,500	42,000	37,500
SUEZMAX	42,500	35,500	32,500	43,000	35,500	32,500
AFRAMAX	41,000	36,000	30,500	41,500	36,000	31,000
LR-2	43,000	37,000	31,500	42,500	36,500	31,000
LR-1	32,500	28,500	25,000	32,500	28,500	25,000
MR	27,500	24,500	21,500	27,000	24,500	21,500
HANDY	23,500	18,000	15,000	24,000	18,500	15,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	India	530	▲ 15	550	▲ 15	570	▲ 15
2	Pakistan	520	▼ 5	540	▼ 5	560	▼ 5
3	Bangladesh	480		500		520	
4	Turkey	300		310		320	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.